

# CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI



## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**NĂM 2011**

- ❖ Tên gọi: **CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI**
- ❖ Tên giao dịch đối ngoại: YenBai Cement and Minerals Joint Stock Company
- ❖ Tên viết tắt: YBC
- ❖ Địa chỉ doanh nghiệp: Tổ 16, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
- ❖ Điện thoại:(84-29) 3885154; Fax: (84-29) 3885585
- ❖ Địa chỉ Email: [ximangyb@gmail.com](mailto:ximangyb@gmail.com)
- ❖ Địa chỉ WebSite: [www.ybcmjsc.com](http://www.ybcmjsc.com)
- ❖ Vốn điều lệ : 48.374.300.000 đồng (*Bốn mươi tám tỷ, ba trăm bảy mươi tư triệu, ba trăm ngàn đồng chẵn*)
- ❖ Giấy chứng nhận ĐKKD số: 5200216647 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp (lần thứ 7) ngày 28 tháng 5 năm 2009

### **I. Lịch sử hoạt động của Công ty**

#### ***1. Những sự kiện quan trọng:***

Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước được xây dựng từ năm 1980 với tên gọi ban đầu là Nhà máy Xi măng Yên Bái, trụ sở chính đặt tại tổ 16, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

Ngày 17/12/2003, Ủy ban Nhân dân tỉnh Yên Bái có Quyết định số 376/QĐ-UB về việc phê duyệt phương án cổ phần hoá và chuyển doanh nghiệp Nhà nước Nhà máy Xi măng Yên Bái thành Công ty cổ phần Xi măng Yên Bái.

Ngày 01/01/2004 Công ty cổ phần Xi măng Yên Bái được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và chính thức đi vào hoạt động theo mô hình công ty cổ phần.

Ngày 17/12/2007 Công ty chính thức được đổi tên thành Công ty cổ phần Xi măng và

Khoáng sản Yên Bái.

Tháng 3 năm 2008, Nhà máy xi măng lò quay công suất 300.000 tấn Clinker/năm (thay thế cho nhà máy xi măng lò đứng) được khánh thành và đưa vào hoạt động.

Ngày 21 tháng 4 năm 2008 Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu trên Trung tâm giao dịch Chứng khoán Hà Nội; ngày 20 tháng 5 năm 2008 là ngày giao dịch đầu tiên cổ phiếu Công ty cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái (mã chứng khoán YBC) tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tháng 3/2009 Công ty được UBCK Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng. Kết thúc đợt phát hành, vốn điều lệ của Công ty tăng từ 22.108.800.000 đồng lên 48.374.300.000 đồng.

Tháng 10 năm 2010, Công ty CP Công nghiệp nặng Cửu Long là cổ đông chiến lược nắm giữ 29,72% vốn điều lệ YBC (từ tháng 12/2008) làm đơn đề nghị HĐQT YBC tổ chức xin ý kiến cổ đông bằng văn bản, xin được giải tỏa hạn chế chuyển nhượng trước thời hạn số sở phần đang nắm giữ, để bán cho các nhà đầu tư khác. Căn cứ vào kết quả lấy ý kiến của các cổ đông, Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần xi măng và khoáng sản Yên Bái đã ra Nghị quyết số 20/YBC-ĐHĐCĐ, ngày 17/01/2011 nhất trí thông qua với 84,41% biểu quyết tán thành giải tỏa hạn chế chuyển nhượng trước thời hạn 1.437.500 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/CP) mà cổ đông chiến lược - Công ty CP Công nghiệp nặng Cửu Long đang nắm giữ. Ngày 10/3/2011, Công ty CP Công nghiệp nặng Cửu Long gửi Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu YBC; Số lượng cổ phiếu đã bán: 1.437.500 CP, số lượng cổ phiếu nắm giữ: 0 CP

## ***2. Quá trình phát triển***

**+ Ngành nghề kinh doanh chính:** Sản xuất và kinh doanh xi măng; khai thác, chế biến, kinh doanh và xuất khẩu khoáng sản

### **+ Quá trình phát triển:**

Năm 1995, những năm cuối của thế kỷ XX, thực hiện chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước đã xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp chuyển sang chính sách kinh tế theo cơ chế thị trường. Với cơ chế mới, công ty đã đầu tư mới một dây chuyền xi măng lò đứng công suất 60.000 tấn xi măng /năm thay thế cho sản xuất xi măng theo phương pháp thủ công trước đây.

Năm 2001, cùng với sự hướng phát triển chung của các doanh nghiệp trong cả nước, với chiến lược đầu tư sản xuất, kinh doanh đa dạng hoá các loại sản phẩm, Công ty đã tận dụng cơ hội, phát huy lợi thế sẵn có đầu tư Nhà máy chế biến bột CaCO<sub>3</sub> thay thế hàng nhập ngoại dùng làm phụ gia cho các ngành sản xuất: giấy, sơn, nhựa, cao su, hoá mỹ phẩm, bột giặt, nuôi trồng thủy sản, vật liệu trang trí trong xây dựng ... Giai đoạn 1 của dự án là đầu tư lắp đặt một dây chuyền nghiền siêu mịn bột CaCO<sub>3</sub> theo công nghệ tiên tiến của Châu Âu (Anivi, Tây Ban Nha)

và 3 dây chuyền nghiền bột  $\text{CaCO}_3$  mịn theo công nghệ của Trung Quốc.

Giai đoạn 1 của dự án đầu tư XD Nhà máy chế biến bột  $\text{CaCO}_3$  khi đi vào hoạt động đã cho ra những sản phẩm có chất lượng cao hoàn toàn có thể thay thế hàng nhập ngoại và được nhiều bạn hàng đánh giá cao, ký hợp đồng đặt hàng. Với hiệu quả bước đầu trong đầu tư, cùng với yêu cầu của thị trường, năm 2002 Công ty tiếp tục đầu tư giai đoạn 2 Nhà máy chế biến bột  $\text{CaCO}_3$  bằng việc lắp đặt thêm một dây chuyền nghiền siêu mịn bột  $\text{CaCO}_3$  công suất 10.000 tấn/năm và một dây chuyền tráng phủ bột  $\text{CaCO}_3$  bằng axit béo dùng cho ngành công nghiệp Nhựa.

Song song với việc đầu tư mở rộng sản xuất Nhà máy chế biến  $\text{CaCO}_3$  năm 2001, 2002 Công ty cũng đã đầu tư mở rộng quy mô Nhà máy xi măng, lắp đặt thêm một dây chuyền sản xuất xi măng lò đứng theo công nghệ Trung Quốc với công suất như dây chuyền trước, nâng tổng công suất Nhà máy xi măng lên 120.000 tấn/năm.

Năm 2003, theo su hướng phát triển của các ngành công nghiệp, để thoả mãn mọi yêu cầu của khách hàng về số lượng, chất lượng, giá cả ... Công ty đã đi sâu tìm hiểu, nắm bắt nhu cầu thị trường quyết định tiếp tục đầu tư dây chuyền nghiền siêu mịn số 3 với thiết bị hiện đại của Cộng Hoà Liên Bang Đức. Sản phẩm sản xuất trên dây chuyền này không những đạt năng suất cao, chất lượng tốt mà còn đáp ứng đầy đủ mọi yêu cầu của khách hàng.

Trước đòi hỏi cao của thị trường, tháng 4 năm 2005 Công ty tiếp tục đầu tư tiếp dây chuyền nghiền siêu mịn số 4 công nghệ của Cộng hoà liên bang Đức thế hệ mới. Toàn bộ dây chuyền mới này được điều khiển bởi hệ thống DCS tự động hoá hoàn toàn theo chương trình logic cùng với thiết bị phân ly hiện đại có khả năng sản xuất sản phẩm bột  $\text{CaCO}_3$  siêu mịn có kích cỡ hạt  $D_{50} \leq 1,0 \mu\text{m}$ ,  $D_{97} \leq 5 \mu\text{m}$  đáp ứng yêu cầu để sản xuất các sản phẩm cao cấp cho các ngành công nghiệp.

Đi đôi với công tác đầu tư mở rộng Nhà máy chế biến  $\text{CaCO}_3$ , năm 2004 Công ty cũng đã đầu tư nâng công suất Nhà máy xi măng từ 120.000 tấn/năm lên 150.000 tấn/năm bằng việc cải tạo lò nung và lắp đặt thêm một dây chuyền nghiền liệu. Không dừng lại ở đó, năm 2005 theo quy hoạch phát triển công nghiệp xi măng đến năm 2010 định hướng đến năm 2020 của Chính phủ, Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái đề xuất phương án cải tạo chuyển đổi công nghệ sản xuất xi măng hiện có từ lò đứng sang lò quay, công suất 300.000 tấn Clinker/năm. Từ khi đi vào hoạt động Nhà máy xi măng lò quay đã cho ra những sản phẩm xi măng PCB30, PCB40, PC40, PC50 có chất lượng cao, thay thế hoàn toàn xi măng TW trong khu vực, tạo nên thế và lực mới cho cho doanh nghiệp.

#### **+ Tình hình hoạt động hiện nay**

##### **Nhà máy Xi măng:**

Công suất 300.000 tấn Clinker/năm tương đương với công suất 400.000 tấn xi măng/năm

được sản xuất theo công nghệ lò quay hiện đại, đã cho ra sản phẩm xi măng PCB30, PCB40, PC40 và PC50 đạt TCVN và ổn định

### **Nhà máy chế biến Cacbonat canxi:**

Nhà máy được đầu tư xây dựng theo công nghệ hiện đại của Châu Âu với thiết bị do Cộng hoà Liên bang Đức và Vương quốc Tây Ban Nha chế tạo. Qua các giai đoạn đầu tư mở rộng cho đến nay Nhà máy Chế biến CaCO<sub>3</sub> có các dây chuyền sau:

- Bốn dây chuyền nghiền sản phẩm bột CaCO<sub>3</sub> siêu mịn công nghệ Châu Âu công suất 75.000 tấn/năm. Trong đó: Hai dây chuyền thiết bị của hãng HOSOKAWA ALPINE - Cộng hoà Liên bang Đức chế tạo; Hai dây chuyền thiết bị của hãng ANIVI - Vương quốc Tây Ban Nha chế tạo; với hệ thống nghiền siêu mịn theo chu trình kín với thiết bị phân ly hiện đại, có thể điều chỉnh cỡ hạt 1µm; 1,5µm; 2µm, 3µm, 4µm...theo mọi yêu cầu của khách hàng;

- Bốn dây chuyền nghiền sản phẩm bột mịn với tổng công suất 50.000 tấn/năm;

- Một dây chuyền tráng phủ sản phẩm bằng axit béo, công suất tráng phủ 7.500 tấn/năm, với thiết bị của hãng ANIVI - Vương quốc Tây Ban Nha chế tạo;

### **Xí nghiệp khai thác đá:**

Tổ chức khai thác đá làm nguyên liệu cho sản xuất xi măng và chế biến sản phẩm CaCO<sub>3</sub>. Xí nghiệp quản lý thiết bị và tổ chức khai thác trên 2 mỏ với diện tích 19,75 ha, với sản lượng khai thác hàng năm đạt trên 350.000 m<sup>3</sup>.

**Bảng 1: Sản xuất kinh doanh của công ty thể hiện qua các năm**

<i>Các tiêu chí</i>	<i>ĐVT</i>	<i>Năm 2007</i>	<i>Năm 2008</i>	<i>Năm 2009</i>	<i>Năm 2010</i>	<i>Năm 2011</i>
1- Doanh thu	Triệu đồng	161.136	225.850	313.771	302.108	335.982
2- Sản phẩm sản xuất						
- Xi măng + Clinker	Tấn	144.807	252.598	358.082	323.982	307.082
- Cacbonat canxi	Tấn	91.284	72.969	80.716	86.159	101.378
3- Sản phẩm tiêu thụ						
- Xi măng + Clinker	Tấn	144.891	247.078	363.610	327.640	306.605
- Cacbonat canxi	Tấn	96.798	73.153	82.074	87.106	101.957
4- Nộp thuế	Triệu đồng	6.475	8.632	8.216	12.182	9.118
5- Lợi nhuận	Triệu đồng	9.260	6.076	9.168	1.766	(14.865)
6-Thu nhập bình quân của người lao động	1.000 Đ/ N/ T	2.200	2.510	3.990	3.854	4.090

7- Cổ tức	%/vốn ĐL	15	12	13		
-----------	----------	----	----	----	--	--

### 3. Định hướng phát triển của Công ty năm 2012:

**\* Một số đặc điểm trong năm:**

- Về thị trường: Năm 2012 là năm mà thị trường xi măng và cacbonat canxi có sự cạnh tranh khốc liệt.

+ Đối với sản phẩm xi măng:

Hiện nay, trên toàn quốc nói chung cũng như tại địa bàn nói riêng có rất nhiều nhà máy xi măng công suất lớn (thông thường công suất trên 01 triệu tấn XM/năm) đã đưa vào vận hành. Tại địa bàn tỉnh Yên Bái có 02 NM (XM Yên Bái và XM Yên Bình) với tổng công suất 1,5 triệu tấn XM/năm;

Do lượng cung xi măng cao hơn so với cầu; các dự án xi măng trên cả nước đã đi vào hoạt động ổn định, nên sản lượng xi măng đưa ra thị trường rất lớn vì doanh nghiệp nào cũng bị áp lực trả nợ sau đầu tư. Mặt khác, theo chương trình của Chính phủ về hạn chế đầu tư công, nên các công trình XD/CB trên cả nước nói chung và các công trình XD/CB trên địa bàn tỉnh Yên Bái nói riêng giảm đi đáng kể, dẫn đến các doanh nghiệp sản xuất xi măng càng cạnh tranh bán hàng rất mạnh trên thị trường.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn về thị trường, nhưng YBC có những lợi thế riêng đó là được Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh Yên Bái đặc biệt quan tâm giúp đỡ. Tỉnh đã hỗ trợ thị trường bằng việc ưu tiên đưa sản phẩm của Công ty vào hầu hết các công trình đầu tư trong Tỉnh;

Chính phủ đang thực hiện chủ trương phát triển các nhà máy thủy điện, bê tông hóa đường giao thông nên lượng cầu xi măng trong năm 2012 có thể được cải thiện;

Năm 2012, Nhà nước đã xóa bỏ bao cấp về xăng dầu, đã tăng giá xăng dầu, từ đó chi phí vận chuyển sẽ tăng cao nên các doanh nghiệp tại khu vực sản xuất nhiều xi măng ở xa sẽ khó có khả năng cạnh tranh trên vùng Tây Bắc. Các tỉnh lân cận Lào Cai, Hà Giang, Lai Châu không có nhà máy xi măng nên đây cũng là lợi thế về thị trường cho sản phẩm xi măng của Công ty phát triển.

+ Đối với sản phẩm cacbonat canxi:

Theo điều tra ở tỉnh Nghệ An có thêm 6 dây truyền, công suất 150.000 tấn/năm; tại tỉnh Yên Bái, ngay trên địa bàn Công ty hoạt động có thêm 3 dây truyền công suất khoảng 90.000 tấn/năm của Công ty phát triển số 1 Hải Dương, Công ty CP xi măng Yên Bình và Tổng công ty sông Đà.

Tuy nhiên, YBC có thể mạnh hơn các doanh nghiệp khác ở loại sản phẩm này về kinh nghiệm trong sản xuất; về chất lượng của sản phẩm do YBC sở hữu mỏ đá trắng nguyên liệu có

chất lượng tốt, độ đồng nhất cao; Giá bán sản phẩm hấp dẫn do Nhà máy chế biến đã hết khấu hao; Bên cạnh đó YBC liên tục đầu tư công nghệ nâng cao chất lượng từng loại sản phẩm, từ đó có khả năng cung cấp những sản phẩm phù hợp nhất, đem lại sự ổn định về chất lượng sản phẩm, mang lại hiệu quả kinh tế cao cho khách hàng, nên đã được nhiều khách hàng tín nhiệm, tạo thương hiệu bền vững cho sản phẩm Cacbonat canxi của YBC trên thị trường.

- Về chi phí nguyên liệu, vật liệu đầu vào:

+ Giá than liên tục tăng **đã lên tới: 2.610.000** đồng/tấn và có thể tiếp tục tăng đã làm cho giá thành sản xuất Clinker tăng cao.

+ Giá điện có thể sẽ điều chỉnh tăng; giá xăng tăng 10%, lên 23.400 đồng/lít; giá dầu Diesel tăng lên 21.400 đồng/lít và su hướng còn tiếp tục tăng đã làm cho mọi chi phí đều tăng trong sản xuất – kinh doanh.

+ Tiền lương tối thiểu do Nhà nước quy định được điều chỉnh theo hướng ngày càng tăng, nên việc Doanh nghiệp nộp BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động theo chế độ đã làm cho giá thành sản xuất tăng cao, gây khó khăn trong việc cạnh tranh giá của sản phẩm trên thị trường.

- Các chính sách tài chính:

+ Nhà nước thực hiện chính sách thắt chặt tín dụng, khống chế lãi suất huy động, thả nổi lãi suất cho vay. Ngân hàng Nhà nước cho phép các Ngân hàng Thương mại thoả thuận với doanh nghiệp về lãi suất tiền vay, tuy mức lãi suất tiền vay năm 2012 có giảm hơn so với năm 2011 song vẫn còn ở mức cao từ 18% đến 20%/năm. Với lãi suất tiền vay vốn lưu động (theo nhu cầu vay vốn trong năm khoảng 120 tỷ đồng), cùng các khoản trả lãi vay đầu tư trước đây và khi không được hỗ trợ lãi suất đã làm cho chi phí tài chính tăng cao trong sản xuất – kinh doanh của doanh nghiệp.

+ Năm 2012, Chính phủ cắt giảm khoảng 20% các khoản đầu tư công, các công trình đầu tư XDCB thiếu vốn, cắt giảm khối lượng, chậm rãi ngân, nhiều công trình bị cắt bỏ không triển khai, từ đó dẫn đến lượng tiêu thụ xi măng trên thị trường sẽ cạnh tranh mạnh, thanh toán nợ chậm và rủi ro cao.

**\* Một số giải pháp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2012:**

Với những thuận lợi và khó khăn có thể xảy ra trong sản xuất, kinh doanh của năm 2012, Hội đồng quản trị Công ty đưa ra một số giải pháp sau:

- *Giải pháp về công tác tiêu thụ - thị trường:*

+ Đối với sản phẩm xi măng:

Giữ vững thị phần đã có trên thị trường Yên Bái, bằng cách: Tiếp cận ngay các chủ đầu tư để giành thị trường; Cung cấp ổn định sản phẩm cho các nhà thầu lớn trong khu vực, coi họ là đối

tác chiến lược, là khách hàng VIP của Công ty; Xem xét có thể bỏ qua một số khâu trung gian trong tiêu thụ; Đẩy mạnh số lượng sản phẩm tiêu thụ ở thị trường ngoài tỉnh mà trước đây sản phẩm của Công ty đang chiếm lĩnh có uy tín;

Khi đầu tư Nhà máy xi măng với suất đầu tư thấp, đến nay số vốn vay đầu tư trung và dài hạn không còn nhiều, YBC có lợi thế về giá bán sản phẩm hơn các doanh nghiệp sản xuất xi măng khác, từ đó tiếp tục thực hiện việc đẩy mạnh sản lượng bán ra chiếm lĩnh thị trường, giảm chi phí khấu hao cho một đơn vị sản phẩm.

Thay đổi mẫu mã, bao bì sản phẩm hấp dẫn khách hàng. Thực hiện công tác tiếp cận thị trường ngay từ đầu nguồn đối với các dự án lớn của Chính phủ và của Tỉnh trong khu vực Tây Bắc;

+ Đối với sản phẩm cacbonat canxi:

Đẩy mạnh khai thác đá nguyên liệu, lựa chọn nguyên liệu có chất lượng tốt để sản xuất, tăng 20-30% sản lượng, đẩy mạnh hàng xuất khẩu; giữ vững những khách hàng đã có; tìm kiếm thêm những khách hàng mới trong nước, tập trung sản phẩm có giá trị cao bán cho khách hàng trong ngành giấy, nhựa, sơn...

Phát triển sản phẩm bột mịn có độ trắng, độ sáng cao vào ngành nhựa và xuất khẩu.

Đưa thêm vào thị trường trong nước và xuất khẩu sản phẩm đá hạt, đá cục nhằm đem lại hiệu quả kinh tế cao.

- *Giải pháp về chi phí sản xuất:*

+ Đầu tư cải tạo công nghệ theo chiều sâu, tăng khả năng làm việc của các thiết bị vận chuyển, tăng khả năng làm nguội của máy làm lạnh Clinker, tính toán phù hợp phối liệu, tăng ổn định năng suất lò nung Clinker lên 1.200 tấn/ngày (tăng khoảng 20%);

+ Cải tạo công nghệ để giảm giá thành tiêu hao nhiên liệu bằng việc đổi mới vò đốt để đốt được than trộn từ đó đã làm giảm được chi phí Than trong sản xuất.

+ Tiết kiệm năng lượng điện bằng việc lắp thêm các thiết bị làm tăng năng suất nghiền xi măng. Thực hiện gia tăng sản xuất liên tục ở những giờ thấp điểm, hạn chế chạy thiết bị điện ở những giờ cao điểm nhằm tiết kiệm điện hạ giá thành sản phẩm.

+ Có kế hoạch bảo dưỡng thiết bị; sửa chữa thiết bị kịp thời, đảm bảo chất lượng sửa chữa, gia tăng thời gian chạy máy nhằm tăng sản lượng, tăng năng suất lao động, giảm giá thành trong sản xuất.

+ Đối với chế biến  $\text{CaCO}_3$ : Nâng cao năng suất của các dây chuyền nghiền, tăng sản lượng sản phẩm bột, chế biến đá hạt, đá cục để xuất khẩu.

- *Giải pháp tài chính:*

+ Giảm hàng tồn kho vật tư, nguyên nhiên liệu để tránh ứ đọng vốn (trừ một số vật tư, nhiên liệu chiến lược như: than);

+ Lựa chọn nhà cung ứng vật tư, nguyên vật liệu có chất lượng tốt, giá cả hợp lý.

+ Xem xét thị trường để điều chỉnh linh hoạt giá bán sản phẩm cho phù hợp, nhằm bù đắp đủ cho chi phí sản xuất và đảm bảo cân đối với sự tăng giá của đầu vào;

+ Tích cực thu hồi công nợ, tăng vòng quay vốn lưu động;

+ Các dự án đầu tư trong năm như: Đầu tư mở rộng khai thác, đầu tư cải tạo theo chiều sâu công nghệ ... sẽ sử dụng bằng nguồn vốn vay đầu tư trung hạn, giảm áp lực tài chính khi sử dụng vốn lưu động.

+ Áp dụng khung thời gian trích khấu hao TSCĐ theo thông tư số 203/2009/TT - BTC, ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính nhằm kéo dài thời gian trích khấu hao của một số TSCĐ có giá trị sử dụng lâu dài, làm giảm giá thành sản phẩm.

+ Thuê đơn vị có thẩm quyền định giá lại tài sản, định giá lại giá trị doanh nghiệp từ đó làm cơ sở để có thể phát hành thêm cổ phiếu và đảm bảo giá trị tài sản thế chấp tăng khả năng vay vốn tại các ngân hàng.

+ Xem xét có thể tăng vốn điều lệ bằng việc phát hành thêm cổ phiếu cho các nhà đầu tư chiến lược. Vốn và thặng dư trong việc phát hành vốn sẽ được trả cho khoản vay đầu tư dài hạn, làm giảm chi phí tài chính (lãi vay ngân hàng) tăng hiệu quả trong kinh doanh; Tìm gọi các nhà đầu tư nước ngoài liên doanh lắp đặt hệ thống nghiền xi măng của Nhà máy xi măng nhằm ổn định năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm giá thành sản xuất xi măng.

+ Tái cơ cấu mô hình quản lý Danh nghiệp bằng việc thành lập công ty mẹ, tách các Nhà máy, Xí nghiệp trực thuộc thành các công ty con hạch toán độc lập. Mời gọi vốn để đầu tư mở rộng Nhà máy chế biến (đầu tư tăng sản lượng nghiền bột CaCO<sub>3</sub> siêu mịn);

+ Tận dụng tối đa các chính sách ưu đãi của địa phương và trung ương đối với doanh nghiệp.

- Về đầu tư phát triển:

Trong năm 2012 cần tập trung đầu tư chiều sâu theo hướng cải tạo công nghệ để tăng năng suất, giảm chi phí trong sản xuất với một số hạng mục sau:

+ Tập trung đầu tư lắp đặt nhanh 02 dây truyền nghiền đứng bột CaCO<sub>3</sub> theo công nghệ mới tại Nhà máy chế biến để đưa vào hoạt động trong Quý II/2012.

+ Đầu tư cải tạo nâng công suất 4 máy nghiền xi măng bằng việc lắp đặt máy phân ly và máy lọc bụi mới.



- + Đầu tư thay thế vôi đốt (vôi phun than) để đốt than được than trộn;
- + Đầu tư khai thác tại mỏ Tây Bắc Mông Sơn, mỏ Núi Hương để nâng cao sản lượng khai thác đá trắng phục vụ cho sản xuất và tăng cường xuất khẩu.
- + Đầu tư thăm dò và xin cấp phép khai thác công nghiệp lâu dài mỏ Mông Sơn VI và mỏ đất sét.
- + Đầu tư xúc tiến thương mại và phát triển thị trường xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài.

#### **4. Chiến lược phát triển trung và dài hạn đến năm 2015**

##### *- Chiến lược Marketing*

Để có được chiến lược Marketing phù hợp, Công ty đưa ra một số giải pháp sau:

+ Củng cố và phát triển thị trường nội địa một cách sâu rộng và ổn định, không ngừng nâng cao chất lượng, mẫu mã sản phẩm nhằm đáp ứng thị hiếu đa dạng của khách hàng;

Đối với sản phẩm xi măng: Mục tiêu là mở rộng và phát triển thị trường vùng Tây Bắc với các công trình trọng điểm như: đường giao thông lớn (đường xuyên Á), các công trình thủy điện, các công trình xây dựng công nghiệp, dân dụng trong khu vực. Giữ vững và tăng thị phần sản phẩm tại các vùng dân cư khu vực phía Tây Bắc;

Đối với sản phẩm CaCO<sub>3</sub>: Đa dạng hoá sản phẩm, đẩy mạnh thị trường trong nước, xúc tiến thương mại để tăng cường xuất khẩu sản phẩm CaCO<sub>3</sub> ra nước ngoài;

+ Phân loại khách hàng, đưa ra chiến lược bán hàng cụ thể, thực hiện chiến lược giá bán linh hoạt, hợp lý và phù hợp với đặc thù của từng thị trường;

+ Tiếp tục đẩy mạnh các hình thức quảng cáo, giới thiệu sản phẩm đến người tiêu dùng; làm tốt công tác dịch vụ sau bán hàng; tham gia các hoạt động triển lãm, hội chợ quảng bá sản phẩm;

+ Đảm bảo nghiêm ngặt về số lượng và chất lượng sản phẩm khi giao hàng. Duy trì và thường xuyên cải tiến hệ thống quản lý chất lượng của Công ty.

##### *- Chiến lược mở rộng sản xuất kinh doanh (chuyển mạnh sang kinh doanh khoáng sản):*

+ Tập trung phát triển các sản phẩm, dịch vụ truyền thống và là lợi thế của Công ty như các loại sản phẩm CaCO<sub>3</sub> siêu mịn, xi măng PCB30, PCB40, PC 40, PC50 và Clinker. Khẩn trương triển khai sản xuất các loại sản phẩm mới để xuất khẩu như: Đá cục, đá chíp, bột mịn tinh khiết dùng để làm đá ép...

+ Triển khai nhanh công tác đầu tư thăm dò và xin cấp phép khai thác công nghiệp lâu dài mỏ Mông Sơn VI và mỏ đất sét.

+ Xúc tiến việc khảo sát mở rộng đầu tư xin cấp phép thăm dò và khai thác các loại khoáng sản khác như: sắt, chì, kẽm, pensphat, thạch anh ...

+ Đầu tư thêm thiết bị khai thác công suất lớn, với mục tiêu sản lượng khai thác đá hoa trắng tăng 30% mỗi năm lên đến 200.000 m<sup>3</sup> vào năm 2015, để phục vụ cho chế biến tại Công ty và xuất khẩu;

+ Khi thị trường tín dụng ổn định, đủ điều kiện về vốn đối ứng thì thực hiện Dự án mở rộng nhà máy chế biến CaCO<sub>3</sub>, bằng việc đầu tư đồng bộ một dây chuyền nghiền siêu mịn với công nghệ cao của CHLB Đức, công suất 35.000 tấn/năm

+ Đầu tư đồng bộ trạm nghiền xi măng có thiết bị cán ép (tiền nghiền), trạm đóng bao và xuất sản phẩm công suất: 500.000 tấn/năm, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và giảm chi phí sản xuất ở công đoạn nghiền xi măng. Khi đầu tư đồng bộ trạm nghiền sẽ đem lại hiệu quả kinh tế cao: Giảm chi phí điện năng, tăng lượng phụ gia pha trộn làm giảm giá thành sản xuất xi măng. Nếu sử dụng nguồn vốn từ việc phát hành thêm cổ phiếu thì sẽ giảm được áp lực chi phí tài chính (lãi vay) và chi phí khấu hao.

+ Nhằm tận dụng triệt để nguồn nhiệt thừa của khí thải lò nung Clinker, khi nguồn vốn cho phép sẽ đầu tư lắp đặt một Trạm máy nhiệt điện công suất 20 M, mức đầu tư khoảng 50 tỷ đồng, dự tính thu hồi vốn trong vòng 5 năm. Tận dụng lần hai hơi nước của Trạm máy nhiệt điện để lắp đặt một Dây chuyền bê tông xốp có trung áp công suất 30.000 m<sup>3</sup>/năm, tương đương 23 triệu viên gạch/năm (việc tận dụng lần hai hơi nước của Trạm máy nhiệt điện theo tính toán có thể giảm mức đầu tư của dây chuyền sản xuất gạch xốp tới 50%); Thời gian thu hồi vốn trong 3 năm. Các sản phẩm này có ưu thế về môi trường (tận dụng khí thải), tăng sản lượng tiêu thụ sản phẩm xi măng của công ty và đang được Nhà nước khuyến khích sử dụng.

+ Tăng cường đầu tư cho công tác mở rộng thị trường cùng với việc mở thêm hệ thống đại lý bao tiêu, các kênh bán sản phẩm ra nước ngoài.

- *Chiến lược về tài chính:*

+ Duy trì một cơ cấu tài chính lành mạnh và phù hợp là yếu tố quan trọng để giảm rủi ro tài chính cho Công ty, cũng như đảm bảo được đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ Bên cạnh đó, vốn luôn là yếu tố quan trọng đối với các doanh nghiệp. Công ty đang dần tiếp cận và tìm cách thức huy động vốn hiệu quả. Bằng việc phát hành tăng vốn cho cổ đông trong nước và nước ngoài. Bên cạnh đó còn huy động vốn nhân rỗi của cán bộ công nhân viên, vay ngân hàng ...

+ Khi thị trường chứng khoán thuận lợi sẽ bán phần vốn góp tại Công ty cổ phần xi măng Yên Bình để thu hồi vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất – kinh doanh.

- *Chiến lược về nhân lực:*

+ Kiện toàn bộ máy theo hướng tinh gọn, chất lượng.

- + Đẩy mạnh đào tạo tại chỗ nguồn nhân lực, quy hoạch đào tạo cán bộ kế cận;
- + Thu hút thêm nhân sự có khả năng làm việc từ bên ngoài.
- + Có chính sách đãi ngộ thỏa đáng đối với những người có năng lực làm việc tốt.

## **II. Báo cáo của Hội đồng Quản trị công ty**

### **1. Đánh giá tình hình hoạt động trong năm (tình hình tài chính và lợi nhuận so với kế hoạch)**

#### *\* Tình hình hoạt động:*

- Đối với Nhà máy chế biến  $CaCO_3$ : HĐQT đã tập trung chỉ đạo sản xuất những loại sản phẩm  $CaCO_3$  có giá trị cao, giữ vững khách hàng truyền thống và mở rộng thị trường xuất khẩu đến lại hiệu quả cao.

- Đối với Nhà máy xi măng: Duy trì chạy ổn định Nhà máy Xi măng. Chiến lược kinh doanh của công ty có thay đổi về thị trường. HĐQT đã có giải pháp nhanh về thị trường xi măng bằng việc: sản xuất đa dạng các loại xi măng PCB30, PCB40, PC40 và PC50; tăng cường công tác tiêu thụ xi măng và clinker; đưa ra chiến lược giữ vững thị trường hiện có, mở rộng thêm thị trường mới bán vào các công trình giao thông, thủy điện trọng điểm khu vực Tây Bắc; kết hợp với việc thực hiện chính sách giá bán linh hoạt, hợp lý, phù hợp với yêu cầu của thị trường.

#### *\* Tình hình tài chính và lợi nhuận so với kế hoạch*

- Giám sát chặt chẽ hoạt động SXKD của công ty, cân đối các nguồn lực tài chính phục vụ SXKD theo hướng tăng khả năng quay vòng vốn, chủ động trả các khoản nợ vay đến hạn.

- Lợi nhuận trong năm âm (14,865) tỷ đồng, nguyên nhân lợi nhuận trong năm âm không đạt kế hoạch đặt ra là 18,5 tỷ đồng với lý do:

+ Công ty vừa triển khai Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy xi măng lò quay mới đưa vào hoạt động từ đầu quý II/2008; chủ yếu là bằng vốn vay của các ngân hàng thương mại; do đó chi phí trả lãi vay ngân hàng và trả gốc trong những năm đầu rất lớn đã ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả sản xuất - kinh doanh;

+ Chi phí tài chính (chi phí lãi vay ngân hàng) tăng cao từ 32,67 tỷ đồng năm 2010 lên 44,276 tỷ đồng năm 2011 (tăng gần 12 tỷ đồng, tương đương tăng 37,5%) do lãi suất vay ngân hàng thường xuyên ở mức từ 20% đến 22%/năm;

+ Giá các loại vật tư; nguyên, nhiên, vật liệu đầu vào đều tăng cao (than tăng 40%, điện tăng 10% so với năm 2010), trong khi đó giá bán xi măng không tăng được do phải cạnh tranh trên thị trường, vì cung vượt quá cầu. Bên cạnh đó, năm 2011 thực hiện chính sách của Chính phủ hạn chế đầu tư công nên các công trình xây dựng cơ bản bị cắt giảm, thiếu nguồn thanh toán dẫn đến sản phẩm bán ra giá thấp, chậm thu được tiền, vòng quay vốn lưu động thấp, nhu cầu vốn lưu động tăng cao kéo theo chi phí tài chính lại càng lớn;

\* *Thay đổi chiến lược kinh doanh:* Do chi phí vật tư, nguyên nhiên vật liệu, chi phí trích khấu hao và lãi vay đưa vào giá thành sản xuất xi măng rất lớn dẫn đến việc giá thành sản xuất lớn hơn giá bán, trong khi đó giá bán sản phẩm xi măng lại do thị trường quyết định nên đã không đủ bù đắp đủ chi phí. Hội đồng Quản trị công ty đã thay đổi chiến lược kinh doanh; phát huy thế mạnh của sản phẩm bột CaCO<sub>3</sub>, tập trung mở rộng khai thác đá trắng, tăng sản lượng chế biến bột CaCO<sub>3</sub> tiêu thụ trong nước và xuất khẩu;

## **2. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai**

Mục tiêu chiến lược của YBC là trở thành Công ty lớn hàng đầu Việt Nam trong việc khai thác và chế biến bột đá trắng, phát triển bền vững, là nhà cung cấp chủ lực các sản phẩm bột đá trắng có năng lực cạnh tranh ở trong nước và quốc tế. Với đội ngũ cán bộ công nhân viên có bề dày về kinh nghiệm, được tiếp cận những kiến thức khoa học kỹ thuật tiên tiến, công nghệ hiện đại cùng với tác phong làm việc chuyên nghiệp, toàn thể CBCNV Công ty sẽ duy trì và phát huy truyền thống của Công ty. Phần đầu đạt tốc độ tăng trưởng bình quân tối thiểu 20%/năm. Ban lãnh đạo YBC tin tưởng rằng sẽ thực hiện thành công định hướng chiến lược, xây dựng YBC thực sự trở thành “Ngôi nhà chung của mọi người”.

## **III. Báo cáo của Ban giám đốc**

### **1. Báo cáo tình hình tài chính:**

a. *Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2011:* 10.900 đồng/cổ phần

b. *Cơ cấu vốn đầu tư của chủ sở hữu :*

+ Vốn góp của Nhà nước: 19.277.700.000 đồng ( chiếm 39,85%)

+ Vốn góp của các đối tượng khác: 29.069.600.000 đồng ( chiếm 60,15%)

c. *Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:*

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:

+ Vốn góp đầu năm : 48.374.300.000 đồng

+ Vốn góp tăng trong năm : Không

+ Vốn góp giảm trong năm : Không

+ Vốn góp cuối năm : 48.374.300.000 đồng

- Dự kiến phân phối lợi nhuận và chia cổ tức :

+ Lợi nhuận trước thuế : Không

+ Lợi nhuận sau thuế : Không

+ Lợi nhuận năm trước để lại : 1.766.515.496 đồng

d. *Cổ phiếu:*

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 4.811.610 cổ phiếu

+ Cổ phiếu phổ thông : 4.811.610 cổ phiếu

+ Cổ phiếu ưu đãi : 0 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu quỹ : 25.820 cổ phiếu
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 VND/cổ phiếu

## 2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất - kinh doanh năm 2011

**Bảng 2: Thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu năm 2011**

<i>Các tiêu chí</i>	<i>ĐVT</i>	<i>Kế hoạch năm 2011</i>	<i>Thực hiện năm 2011</i>	<i>So với KH năm 2011 (%)</i>	<i>So với cùng kỳ năm 2010 (%)</i>
1- Doanh thu	Tỷ đồng	361.800	335,981	92,86	111,21
2- Sản phẩm sản xuất					
- Xi măng + Clinker	Tấn	345.000	307.082	89,01	94,78
- Cacbonat canxi	Tấn	121.000	101.378	83,78	117,66
3- Sản phẩm tiêu thụ					
- Xi măng PCB30	Tấn	345.000	306.605	88,87	93,58
- Cacbonat canxi	Tấn	121.000	101.957	84,26	117,05
4- Nộp thuế	Tỷ đồng	Theo PS	9.118	100,00	74,85
5- Lợi nhuận	Tỷ đồng	18,5	(14,865)		
6- Mức trả cổ tức	%/năm	25-30	0		
7- Thu nhập bình quân	Đ/ N/ T	3.000.000	4.090.000	136,33	106,12

Trong năm 2011, sản xuất – kinh doanh của Công ty tập trung vào hai loại sản phẩm chính là Xi măng và Cacbonat canxi ( $\text{CaCO}_3$ ) các loại. Do sản phẩm xi măng tiêu thụ chậm, chi phí cao, lợi nhuận âm nên chỉ duy trì sản lượng sản xuất tương đương với lượng tiêu thụ trên thị trường. Quan tâm nhiều vào khâu khai thác đá trắng nguyên liệu và chế biến bột Cacbonat Canxi, thay đổi cơ cấu sản phẩm trong sản xuất, tiết kiệm nguyên liệu, chủ yếu đi vào sản xuất những sản phẩm tinh, có giá trị lớn và lợi nhuận cao.

### 3. Những tiến bộ Công ty đạt được

- Trong năm Công ty đã tiến hành sắp xếp lại tổ chức sản xuất ở các đơn vị trực thuộc, kiện toàn lại một số chức danh cán bộ chủ chốt ở các bộ phận trong doanh nghiệp. Đào tạo, bố trí cán bộ, công nhân cho Nhà máy xi măng lò quay khi đi vào hoạt động ổn định. Thực hiện chính sách quản lý mới đối với các nhà máy, xí nghiệp trực thuộc và áp dụng Quy chế quản trị công ty đối với các công ty niêm yết theo Quyết định số 12/2007/QĐ-BTC ngày 13/3/2007 của Bộ Tài chính.

- Thực hiện điều hành thông qua sự giám sát của HĐQT, Ban kiểm soát Công ty.

#### 4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012

Năm 2012, YBC khẳng định việc sẽ tiếp tục ổn định và phát triển, giữ vị trí hàng đầu trong lĩnh vực nhà cung ứng sản phẩm CaCO<sub>3</sub> có chất lượng cao. Mức tăng trưởng đều đặn, chỉ số tài chính duy trì ở mức an toàn, hệ thống sản phẩm và kênh phân phối đa dạng, chất lượng dịch vụ tốt.

**Bảng 3: Kế hoạch sản xuất - kinh doanh của công ty năm 2011**

<i>Các tiêu chí</i>	<i>ĐVT</i>	<i>Kế hoạch</i>
1- Doanh thu	Tỷ đồng	427,375
2- Sản phẩm sản xuất		
- Xi măng + Clinker	Tấn	350.000
- Cacbonat canxi	Tấn	221.000
3- Sản phẩm tiêu thụ		
- Xi măng PCB30	Tấn	350.000
- Cacbonat canxi	Tấn	221.000
4- Nộp thuế	Tỷ đồng	21,6 (Theo PS)
5- Lợi nhuận	Tỷ đồng	2,34
6- Mức trả cổ tức	%/năm/VĐL	Theo kết quả thực tế
7- Thu nhập bình quân	Đ/ N/ T	3.000.000

#### IV. Báo cáo tài chính (đã được kiểm toán):

Các Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán theo quy định của Pháp luật về kế toán gồm có:

- 1/ Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011
- 2/ Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2011
- 3/ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2011
- 4/ Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2011

Được tóm tắt như sau:

##### \* Bảng cân đối kế toán

STT	Nội dung	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ
<b>I</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>92.927.122.458</b>	<b>98.551.880.003</b>
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	8.768.220.809	1.066.735.527
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	46.964.649.642	47.089.225.323
4	Hàng tồn kho	31.330.133.353	43.004.692.994
5	Tài sản ngắn hạn khác	5.864.118.654	7.351.226.159

<b>II</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>258.473.224.167</b>	<b>246.238.315.563</b>
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	252.046.385.594	237.399.501.751
	- Tài sản cố định hữu hình	249.420.785.609	233.869.162.183
	- Tài sản cố định vô hình	2.243.504.700	
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Chi phí XDCB dở dang	382.095.285	3.530.339.568
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4.262.469.000	4.262.469.000
5	Tài sản dài hạn khác	2.164.369.573	4.576.344.812
<b>III</b>	<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>351.400.346.625</b>	<b>344.750.195.566</b>
<b>IV</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>283.453.560.106</b>	<b>291.864.626.806</b>
1	Nợ ngắn hạn	167.807.032.206	189.257.340.252
2	Nợ dài hạn	115.646.527.900	102.607.286.554
<b>V</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>67.758.103.297</b>	<b>52.885.568.760</b>
1	Vốn chủ sở hữu	67.758.103.297	52.885.568.760
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	48.374.300.000	48.374.300.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	9.141.949.000	9.141.949.000
	- Vốn khác của chủ sở hữu	261.000.000	261.000.000
	- Cổ phiếu quỹ	(258.200.000)	(258.200.000)
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	7.077.733	(14.499)
	- Các quỹ	8.465.461.068	8.465.461.068
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.766.515.496	(13.098.926.809)
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		
2	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	188.683.222	(500.036.038)
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
<b>VI</b>	<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>351.400.346.625</b>	<b>344.750.195.566</b>

**\* Kết quả hoạt động kinh doanh**

<b>STT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm trước</b>	<b>Năm nay</b>
1	Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	302.108.104.683	335.981.858.028
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2.807.966.768	2.779.143.724
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	299.300.137.915	333.202.714.304
4	Giá vốn hàng bán	237.386.454.642	274.205.680.638
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	61.913.683.273	
6	Doanh thu hoạt động tài chính	251.992.782	77.954.899
7	Chi phí tài chính	32.679.541.276	44.276.275.860
8	Chi phí bán hàng	24.470.830.138	23.255.559.829
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.241.315.191	9.158.102.874

10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(3.226.010.550)	(17.614.949.998)
11	Thu nhập khác	5.597.364.545	6.340.750.591
12	Chi phí khác		2.888.370.023
13	Lợi nhuận khác	5.597.364.545	3.452.380.568
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.371.364.545	(14.162.569.430)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	604.838.499	702.872.875
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.766.515.496	(14.865.442.305)
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	367	(3.089)
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		

**\* Các chỉ tiêu tài chính cơ bản**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kỳ trước	Kỳ này
<b>1</b>	<b>Cơ cấu tài sản</b>			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	73,55	71,40
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	26,45	28,60
<b>2</b>	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	80,72	84,66
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	19,28	15,34
<b>3</b>	<b>Khả năng thanh toán</b>			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,03	0,003
	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,36	1,18
<b>4</b>	<b>Tỷ suất lợi nhuận</b>			
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,50	(4,3)
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,59	(4,46)
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	2,60	(2,8)

**V. Bản giải trình Báo cáo tài chính và Báo cáo kiểm toán**

*\*. Kiểm toán độc lập*

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) Chi nhánh tại Hà Nội đã thực hiện kiểm toán các báo cáo Tài chính năm 2011 của Công ty.

- Ý kiến của Kiểm toán viên: Báo cáo tài chính tổng hợp sau khi điều chỉnh theo ý kiến của Kiểm toán viên đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính



kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

## VI. Các công ty có liên quan

- Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước nắm giữ 39,85 % vốn điều lệ YBC;
- Góp vốn điều lệ 3,7 % tương đương 4,2 tỷ đồng vào Công ty cổ phần Xi măng Yên Bình. Đây là Công ty mới thành lập từ năm 2004, đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh từ năm 2008.

## VII. Tổ chức và nhân sự

### 1. Cơ cấu tổ chức Công ty

**Bảng 4: Các văn phòng đại diện và đơn vị trực thuộc có vốn góp của YBC**

<i>TT</i>	<i>Văn phòng, các đơn vị trực thuộc và các đơn vị Công ty góp vốn</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Hoạt động kinh doanh chính</i>	<i>Mối quan hệ với doanh nghiệp</i>
1	Nhà máy xi măng	Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái	Sản xuất xi măng	Đơn vị trực thuộc
2	Nhà máy chế biến CaCO <sub>3</sub>	Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái	Sản xuất sản phẩm CaCO <sub>3</sub>	Đơn vị trực thuộc
3	Xí nghiệp khai thác đá	Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái	Khai thác đá	Đơn vị trực thuộc
4	Công ty cổ phần xi măng Yên Bình	Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái	Sản xuất xi măng	Góp vốn (sở hữu 3,7% trên vốn điều lệ)

Hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/01/2004, cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty gồm:

#### \* Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp ít nhất mỗi năm một lần và trong thời hạn theo quy định của pháp luật. Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề về sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty, quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; quyết định mức thù lao và các quyền lợi khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; thông qua báo cáo tài chính hàng năm của Công ty; báo cáo của Ban kiểm soát; quyết định phương hướng, nhiệm

vụ, kế hoạch sản xuất, kinh doanh và đầu tư của năm tài chính mới

*\* Hội đồng quản trị:*

Hội đồng Quản trị gồm có 7 thành viên, do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, quản trị Công ty giữa hai nhiệm kỳ Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị đại diện cho các cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

*\* Ban Kiểm soát:*

Ban Kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

*\* Ban Giám đốc:*

Ban Giám đốc Công ty gồm 5 người, có 01 Giám đốc và 04 Phó Giám đốc.

*Giám đốc* là người đại diện theo pháp luật của Công ty, điều hành mọi hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Các phó Giám đốc được phân công giúp việc cho giám đốc thực hiện những nhiệm vụ do HĐQT giao.

*\* Các phòng ban nghiệp vụ: Có 5 phòng nghiệp vụ*

Phòng Tổ chức - Hành chính - Lao động Tiền lương

Phòng Kế toán

Phòng Kế hoạch - Đầu tư và Quản lý Kỹ thuật sản xuất

Phòng KCS

Phòng Tiêu thụ - Thị trường

## **2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong ban điều hành**

### **2.1 Ông: Phạm Quang Phú**

- Chức vụ hiện tại: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc
- Ngày sinh: 17/7/1965
- Trình độ văn hóa: 10/10

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí, chuyên ngành Cơ khí chế tạo máy

### **2.2. Ông: Vũ Thanh Nghị**

- Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT, Phó Giám đốc kiêm Kế toán Trưởng

- Ngày sinh: 17/5/1957

- Trình độ văn hóa: 10/10

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, chuyên ngành Kinh tế Lao động

### **2.3. Ông: Đặng Văn Thắng**

- Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT, Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng Tiêu thụ  
- Thị trường và kiêm Giám đốc nhà máy chế biến CaCO<sub>3</sub>

- Ngày sinh: 08/3/1962

- Trình độ văn hóa: 10/10

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hoá, chuyên ngành Hoá Silicat

### **2.4. Ông: Bùi Mạnh Cường**

- Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT, Phó Giám đốc phụ trách Kế hoạch - Đầu tư

- Ngày sinh: 26/08/1963

- Trình độ văn hóa: 10/10

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ vật liệu xây dựng

### **2.5. Ông: Nguyễn Quang Chiến**

- Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT – Phó Giám đốc kiêm TP. TC-HC-LĐTL

- Ngày sinh: 22/5/1967

- Trình độ văn hóa: 10/10

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật, Cử nhân Kinh tế ngành Kế toán doanh nghiệp

**3. Quyền lợi của Ban giám đốc được hưởng:** Tiền lương, thưởng và các quyền lợi khác được hưởng theo chính sách về tiền lương và theo quy định của pháp luật.

### **4. Số lượng CBCNV:**

Tổng số CBCNV có mặt đến thời điểm 31/12/2011 là 491 người (không kể lao động hợp

đồng thời vụ), thu nhập bình quân 4.090.000 đồng/người/tháng. Công ty chi trả tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho số người trên theo mức lương cơ bản. Các chế độ chính sách đối với CBCNV trong Công ty được thực hiện đầy đủ, đúng pháp luật.

**5. Thay đổi thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng:**

**Hội đồng Quản trị:**

Ngày 30/6/2009 Đại hội đồng cổ đông hết nhiệm kỳ đã bầu HĐQT nhiệm kỳ mới với 7 thành viên; Ngày 24 tháng 4 năm 2011, Đại hội đồng cổ đông thường niên đã bầu bổ sung ông Hajime Kaburagi làm thành viên HĐQT thay bà Đỗ Thanh Hương (do Công ty CP Công nghiệp nặng Cửu Long không còn là cổ đông của YBC).

**Ban Giám đốc:**

Ngày 10/6/2011 Hội đồng Quản trị YBC bổ nhiệm ông Nguyễn Quang Chiến – Trưởng phòng TC-HC-LĐTL làm Phó Giám đốc công ty.

**Ban Kiểm soát:**

Đại hội đồng cổ đông hết nhiệm kỳ diễn ra ngày 30/6/2009 đã bầu BKS nhiệm kỳ mới với 3 thành viên; Ngày 24 tháng 4 năm 2011, Đại hội đồng cổ đông thường niên đã bầu bổ sung 2 thành viên Ban kiểm soát là: ông Ngô Văn Minh và ông Tống Văn Tý thay cho bà Vũ Thị Thoa (do Công ty CP Công nghiệp nặng Cửu Long không còn là cổ đông của YBC) và Bà Hà Thu Phương – Chuyên viên Ban đầu tư 4, Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)

**Kế toán trưởng:**

Không thay đổi

**VIII/ Thông tin cổ đông và quản trị công ty**

**1. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị có 7(bảy) thành viên, 1 chủ tịch và 6 thành viên:

**1.1. Ông: Phạm Quang Phú - Chủ tịch HĐQT (như 2.1 phần VII)**

**1.2. Ông: Vũ Thanh Nghị - UVHĐQT (như 2.2 phần VII)**

**1.3. Ông: Đặng Văn Thắng - UVHĐQT (như 2.3 phần VII)**

**1.4. Ông: Bùi Mạnh Cường – UVHĐQT (như 2.4 phần VII)**

**1.5. Ông: Nguyễn Quang Chiến - UVHĐQT (như 2.5 phần VII)**

**1.6. Ông: Phạm Hữu Thọ**

- Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT – TP. KH-ĐT và Quản lý kỹ thuật sản xuất
- Ngày sinh: 20/09/1964
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hoá, chuyên ngành hoá Silicat

### **1.7. Ông: Hajime Kaburagi**

- Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT
- Ngày sinh: 28/01/1972
- Trình độ văn hóa: Đại học Thương mại Chiba - Nhật Bản
- Trình độ chuyên môn: Đại học Quản trị kinh doanh

**2. Ban Kiểm soát :** Ban Kiểm soát có 3 thành viên , 1 Trưởng ban và 2 thành viên.

#### **2.1. Bà: Nguyễn Thị Nghiêm Chang**

- Chức vụ hiện tại: Trưởng Ban kiểm soát
- Ngày sinh: 30/8/1965
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, ngành Kế toán doanh nghiệp

#### **2.2. Ông: Ngô Văn Minh**

- Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban Kiểm soát
- Ngày sinh: 08/3/1972
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Đại học Môi trường quốc gia Odessa - Ukraina

#### **2.3. Ông: Tống Văn Tý**

- Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban Kiểm soát
- Ngày sinh: 12/7/1967
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

## **2. Hoạt động của Hội đồng Quản trị :**

Trong năm 2011, Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị đã giám sát chặt chẽ sự điều hành sản xuất – kinh doanh của Ban Giám đốc với chủ trương tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại doanh nghiệp.

### 3. Hoạt động của Ban kiểm soát :

Năm 2011, BKS đã tiến hành kiểm tra tình hình thực hiện đơn giá khoán tại các đơn vị trực thuộc và giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc theo điều lệ Công ty.

- **Thù lao, các khoản lợi ích của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát:**

+ Trong năm 2011, tổng mức thù lao chi cho Hội đồng quản trị (7 người): 510 triệu đồng; chiếm 0,15% doanh thu trong năm (theo như mức quy định trong Nghị quyết của ĐHĐCĐ). Dự kiến năm 2012 mức trả thù lao cho HĐQT không vượt quá 0,2% doanh thu.

+ Thù lao cho ban kiểm soát (ba người) năm 2011 là: 72 triệu đồng, chiếm 0,02% doanh thu (theo như mức quy định trong Nghị quyết của ĐHĐCĐ). Dự kiến năm 2012 mức thù lao trả cho Ban kiểm soát không vượt quá 0,03% doanh thu.

### 4. Các hoạt động nhằm tăng cường hiệu quả quản trị trong công ty :

Trong năm 2011 YBC đã xoát xét và sửa đổi hệ thống quy chế nhằm tăng cường công tác Quản trị Công ty gồm có: Quy chế hoạt động tài chính, Quy chế tiêu thụ sản phẩm, Quy chế cung cấp thông tin, Quy chế Tiền lương, tiền thưởng, Quy chế mua sắm TSCĐ ... và tổ chức phổ biến cho cán bộ công nhân viên trong toàn công ty. YBC cũng đã xây dựng và triển khai thực hiện Quy chế quản trị công ty áp dụng cho các công ty niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán (được ban hành kèm theo Quyết định số 12 ngày 13/3/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) để hoàn thiện công tác quản trị tại Công ty.

**Tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông lớn và thành viên HĐQT tại thời điểm 01/4/2011 (là ngày chốt danh sách để thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010):**

<i>TT</i>	<i>Tên cổ đông</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Số CP sở hữu</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>
<b>I</b>	<b>Cổ đông lớn</b>			
1	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	Số 6, Phan Huy Chú, Hoàn Kiếm, Hà Nội	1.927.770	39,85
	<i>Phạm Quang Phú</i>	<i>Người đại diện</i>	<i>1.927.770</i>	<i>39,85</i>
<b>II</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>			

1	Phạm Quang Phú	Phường Hồng Hà, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	19.300	0,40
2	Vũ Thanh Nghị	Phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	18.500	0,38
3	Đặng Văn Thắng	Phường Hồng Hà, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	20.500	0,42
4	Bùi Mạnh Cường	Phường Hồng Hà, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	20.300	0,42
5	Nguyễn Quang Chiến	Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái	13.720	0,28
6	Phạm Hữu Thọ	Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái	2.100	0,04

## 2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông đến thời điểm 01/4/2011

<i>Cổ đông</i>	<i>Số lượng cổ phần</i>	<i>Giá trị sở hữu (đồng)</i>	<i>Tỉ lệ (%)</i>	<i>Số lượng cổ đông</i>
<b>I. Cổ đông tổ chức</b>	<b>1.972.855</b>	<b>19.728.550.000</b>	<b>40,78</b>	<b>19</b>
1. Cổ đông nước ngoài	6.000	60.000.000	0,12	2
2. Cổ đông trong nước	1.966.855	19.668.550.000	40,66	17
<i>Trong đó: Cổ phiếu quỹ</i>	<i>25.820</i>	<i>258.200.000</i>	<i>0,53</i>	
<b>II. Cổ đông cá nhân</b>	<b>2.864.575</b>	<b>28.645.750.000</b>	<b>29,79</b>	<b>374</b>
1. Cổ đông nước ngoài	1.200	12.000.000	0,003	2
2. Cổ đông trong nước	2.863.375	28.633.750.000	29,79	372
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.837.430</b>	<b>48.374.300.000</b>	<b>100%</b>	<b>442</b>

Trên đây là Báo cáo thường niên năm 2011 của Công ty cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái trình trước Đại hội đồng cổ đông thường niên.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH  
(Đã ký)**

**Phạm Quang Phú**